TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14- 4 -2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý.

2. Ông Nguyễn Chí Tâm.

- Thư ký Phên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia Phên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1164/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn Phên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B khu phố Đ, phường T, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A khu phố Đ, phường D, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1957; địa chỉ: Số A khu phố Đ, phường D, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị Hồng Th sau một thời gian tìm hiểu nhau khoảng ba năm thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Dĩ An (nay là phường T, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương vào ngày 05/10/2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 138/KH/2010, quyển số 01. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chị Th ở khu phố Đ, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chị Th ở nhà chăm sóc gia đình, anh làm công nhân, thu nhập ổn định, đủ lo cho cuộc sống gia đình. Nhưng từ năm 2017 đến nay, thu nhập của anh không đủ đề trang trải chi phí sinh hoạt gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do chung sống cùng gia đình chị Th cho nên mỗi lần vợ chồng cãi nhau chị Th lại đuổi anh ra khỏi nhà, anh tự ái nên cũng bỏ về nhà mẹ ruột ở khu phố Th, phường D sinh sống, được khoảng một hoặc hai tuần do nhớ con anh lại quay về. Đến tháng 5 năm 2019 chị Th bỏ nhà đi làm ăn xa, không nói cho anh biết đi đâu nhưng chị Th thỉnh thoảng vẫn về thăm con hoặc gọi hỏi thăm các con qua điện thoại. Do vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên anh đề nghị ly hôn, chị Th đồng ý và cung cấp giấy tờ (chứng M nhân dân, sổ hộ khẩu) để làm thủ tục ly hôn nhưng không đồng ý lên Tòa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc Tr, sinh ngày 27/10/2010 và Trần Ngọc Tr1, sinh ngày 14/6/2013. Sau khi ly hôn anh đồng ý để con cho chị Th hoặc bà Ph (mẹ chị Th) trực tiếp nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th*: Chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ, tham gia Phên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09/01, 06/3/2020, tham gia Phên tòa vào các ngày 26/3 và 14/4/2020 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh M và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ph trình bày:* Anh M và chị Th tìm hiểu nhau là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới cho, hai vợ chồng có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại đất của gia đình bà, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 2-3 năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có lần anh M bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai bên gia đình khuyên can vợ chồng lại về đoàn tụ, khoảng 6-7 tháng nay thì chị Th đi làm ăn ở Bình Phước, thỉnh thoảng có về chơi và điện thoại về hỏi thăm con. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Quá trình chung sống hai vợ chồng anh M chị Th sinh được 02 người con là Trần Quốc Tr và Trần Ngọc Tr1, hai cháu chung sống cùng với chị Th và bà, khi chị Th đi làm thì gửi 2 cháu cho bà chăm sóc.

Nay, anh M nộp đơn xin ly hôn với chị Th bà không có ý kiến gì, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 cháu Trần Quốc Tr và Trần Ngọc Tr1 cho đến khi mẹ các cháu về.

- *Tại biên bản xác M nguyên nhân mâu thuẫn* giữa anh M và chị Th do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 21/02/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ phường cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa anh Trần Văn M với chị Nguyễn Thị Hồng Th, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia Phên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại Phên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia Phên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê thị Ph có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Nguyễn Thị Hồng Th đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia Phên tòa vào các ngày 26/3/2020 và 14/4/2020 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh M, bà Ph và chị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần M Th và chị Nguyễn Thị Hồng Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 138/KH/2010, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An (nay là phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/10/2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý

Tr, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh M trong quá trình tố tụng cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng khó khăn về tài chính gia đình, bản thân chị Th làm công việc nội trợ không có thu nhập, một mình anh M đi làm thu nhập thấp không đủ để trang trải các chi phí sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

[4] Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập chị Th lên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Th bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân gia đình. Anh M trình bày anh, chị đã có thời gian ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau và không cùng nhau chăm sóc con cái, điều này cũng được bà Ph thừa nhận trong lời khai của mình là vợ chồng anh chị không còn quan tâm nhau, chị đi làm ăn xa khi về nhà hoặc gọi điện thoại về cũng chỉ hỏi thăm các con chứ không quan tâm đến anh M. Như vậy, chứng tỏ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng anh M, chị Th có 02 con chung, anh M đồng ý giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng 1.000.000 đồng (2 con là 2.000.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà Ph cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Tr và cháu Tr1 trong thời gian chị Th đi làm ăn xa. Việc giao con cho ai chăm sóc cũng đều phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung. Theo lời trình bày của anh M và bà Ph thể hiện khi anh chị sống ly thân, chị Th cùng các con chung sống với bà Ph, chị Th và bà Ph là người trực tiếp chăm sóc các cháu, khi chị Th đi làm xa có gửi bà Ph chăm sóc các con dùm. Xét, mặc dù hiện tại bà Ph đang trực tiếp chăm sóc con chung của anh M, chị Th nhưng bà cũng chỉ là chăm sóc tạm thời trong khi chị Th đi làm ăn xa. Bà Lê Thị Ph chỉ thực hiện việc giám hộ cho 02 con chung của anh M, chị Th khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại điều 47 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp này yêu cầu của bà Ph là được trực tiếp nuôi 02 con chung của anh M, chị Th sau khi anh, chị ly hôn là không có cơ sở chấp nhận. Đối với anh M, do tính chất công việc là làm tài xế, giờ giấc không ổn định, không đảm bảo việc chăm sóc các con; chị Th không có ý kiến trong suốt quá trình tố tụng nhưng theo lời trình bày của bà Ph thì chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy giao các con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn để không làm xáo trộn cuộc sống của các con theo yêu cầu của anh M là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Th (theo giấy chứng nhận kết hôn số 138/KH/2010, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Dĩ An (nay là phường T, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/10/2010).

2. Về con chung:

2.1. Anh Trần Văn M giao con chung tên Trần Quốc Tr, sinh ngày 27/10/2010 và Trần Ngọc Tr1, sinh ngày 14/6/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh M cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn M chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh M còn phải trả cho chị Th số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn chị Th phải tạo điều kiện cho anh M trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0039754 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Anh Trần Văn M còn phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự vắng mặt tại Phên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự (3);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kim Hoa